

Bản án số: **01/2022/DS-ST**

Ngày: 07-01-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 94/2021/TLST-DS ngày 11/8/2021 về **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 07/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 23/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Minh T1**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 08 Lý Thường Kiệt, tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Tr1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Làng Đầm Khương, xã T, Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Tr1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1 trình bày: Vào ngày 29/12/2018 dương lịch (*ngày 23/11/2018 âm lịch*) chị có cho chị Trần Thị Tr1, trú tại: Làng Đầm Khương, xã T, Huyện K, tỉnh Gia Lai mượn số tiền là 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*). Chị Tr1 đã tự nguyện ký tên, ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền, chị Tr1 hẹn thời gian trả nợ là đến tháng 02/2019. Chị đã cung cấp Giấy mượn tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Qua thời gian hẹn trả nợ, chị Tr1 đã không trả được khoản tiền nợ gốc nào cho chị, mặc dù chị đã nhiều lần đến nhà chị Tr1 để yêu cầu trả nợ nhưng chị Tr1 không trả mà tiếp tục hẹn. Vì vậy, chị T1 khởi kiện yêu cầu chị Tr1 phải số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*).

Tại Biên bản hòa giải ngày 09/9/2021 bị đơn chị Trần Thị Tr1 trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 29/12/2018 dương lịch (*ngày 23/11/2018 âm lịch*) chị có nhận nợ với chị T1 số tiền 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*) và hiện còn đang nợ chị T1 số tiền trên đúng như chị T1 đã trình bày. Chị đã tự nguyện ký tên,

ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền và đưa cho chị T1 giữ, chị Tr1 hẹn thời gian trả nợ là đến tháng 02/2019. Tuy nhiên, vì nhiều lý do nên chị vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho chị T1 như đã hứa. Nay chị T1 khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 65.000.000 đồng thì chị Tr1 thừa nhận còn nợ nhưng chị chưa xác định được thời gian và phương thức trả nợ cho chị T1.

Sau đó Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai đã nhiều lần triệu tập chị Tr1 đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức để chị Tr1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị Tr1 cố tình trốn tránh, không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 29/12/2018 Dương lịch (ngày 23/11/2018 Âm lịch), có nội dung: “Tôi tên Trần Thị Tr1 có mượn bà Trần Thị Minh T1 số tiền 65.000.000 đồng sáu mươi lăm triệu đồng chẵn, tôi xin hứa hoàn trả tháng 2/2 2019”; Ký, ghi rõ họ tên Trần Thị Tr1; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Bảo T (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Minh T1 (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Trần Thị Tr1, sinh năm 1985, có địa chỉ tại làng Đàm Khương, xã T, Huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua Biên bản hòa giải ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất; bị đơn cư trú tại địa bàn Huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập chị Tr1 đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị Tr1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1 vắng mặt nhưng chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 29/12/2018 Dương lịch (ngày 23/11/2018 Âm lịch) có nội dung bị đơn chị Trần Thị Tr1 mượn của chị Trần Thị Minh T1 số tiền 65.000.000 đồng, phía dưới có chữ ký của chị Tr1. Việc vay mượn tiền và chứng cứ là giấy mượn tiền nói trên đã được bị đơn chị Trần Thị Tr1 thừa nhận. Trong giấy mượn tiền chị Tr1 hẹn đến tháng 2/2019 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T1, tuy nhiên đến nay chị Tr1 vẫn chưa trả được cho chị T1. Điều đó thể hiện bị đơn chị Trần Thị Tr1 hiện vẫn còn nợ nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1 số tiền 65.000.000 đồng đã được ghi

nhận trong giấy mượn tiền ngày đề ngày 29/12/2018 Dương lịch. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1, buộc bị đơn chị Trần Thị Tr1 phải trả cho nguyên đơn số tiền là 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T1 được chấp nhận toàn bộ nên chị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị Trần Thị Tr1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 65.000.000 đồng x 5% = 3.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1.

Buộc bị đơn chị Trần Thị Tr1 phải trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1 số tiền nợ là 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án chị Tr1 thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (65.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Trần Thị Tr1 phải chịu 3.250.000 đồng (*ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Minh T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.650.000 đồng (*một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003842 ngày 11/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc